

Số: /BC-ATTP

Nghệ An, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI
DỰ ÁN AN TOÀN THỰC PHẨM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

Kính gửi: Cục An toàn thực phẩm

I. Thông tin chung:

1. Dân số : 3.327.791
2. Diện tích : 16.487,29 Km²
3. Số quận/huyện : 21
4. Số xã, phường : 460
5. Tổng số cơ sở sản xuất, chế biến, KDTP, dịch vụ ăn uống: 6.662
6. Tổng số cơ sở sản xuất, chế biến, KDTP, dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 2.073
7. Tổng số kinh phí được cấp từ Dự án ATTP (triệu đồng): 1.796, trong đó:
Dự Án 4: 1.401
Dự án 8: 395
8. Hỗ trợ của UBND (ĐVT:triệu đồng):
- Tỉnh : 900
- Huyện:
- Xã:
Trong đó hỗ trợ cho:
- Đầu tư (triệu đồng) :
- Sự nghiệp (triệu đồng) :
9. Hỗ trợ khác cho:
- Đầu tư (triệu đồng) :
- Sự nghiệp (triệu đồng) :

II. Kết quả hoạt động của Dự án:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Nội dung
A	HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA DỰ ÁN			
1	Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP	Đoàn/Tsố lượt CS được KT	932/12.007	Số liệu thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh
1.1	Đoàn kiểm tra liên ngành:	Đoàn/Lượt CS	932	Số liệu các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tỉnh, huyện, xã
1.2	Đoàn hậu kiểm:	Đoàn/Lượt CS	00	
1.3	Số cơ sở được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP	TSCS đạt/TSCS kiểm tra	10.200/12.007	
1.4	Số cơ sở bị xử lý	Cơ sở	675	
1.5	Tổng số tiền phạt	VNĐ/CS	891.085.000/450	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Nội dung
1.6	<i>Hình thức vi phạm (ghi rõ):</i> Các lỗi vi phạm chủ yếu: Thực hành của nhân viên; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ.			
2	Lấy mẫu, kiểm nghiệm phục vụ thanh kiểm tra, hậu kiểm ATTP		1.471/178	
2.1	<i>Xét nghiệm tại labo</i>	<i>TS mẫu được xét nghiệm/số mẫu không đạt</i>		
	<i>Hóa lý</i>	<i>TS mẫu được xét nghiệm/số mẫu không đạt</i>	97/00	
	<i>Vi sinh</i>	<i>TS mẫu được xét nghiệm/số mẫu không đạt</i>	97/07	
2.2	<i>Xét nghiệm nhanh</i>	<i>TS mẫu được xét nghiệm/số mẫu không đạt</i>	1.277/171	
3	Đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, thanh tra, kiểm nghiệm (do trung ương và địa phương tổ chức)	Số lớp/ Số lượt người dự		
	Tuyển tỉnh		Không	
	Tuyển huyện (số huyện/số người tham dự)	Chi cục ATVSTP tổ chức	21/1.270	<i>Tập huấn Giám sát Bữa cỗ đông người tổ chức tại cộng đồng</i>
	Tuyển xã			
4	Số cán bộ làm công tác quản lý, thanh tra ATTP tại tuyển tỉnh, thành phố được bồi dưỡng và nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ.			
	- Tổng số cán bộ làm công tác ATTP tuyển tỉnh, thành phố		18	
	- Số cán bộ được bồi dưỡng và nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ.		01	<i>Trung cấp chính trị</i>
5	Số cán bộ làm công tác ATTP tuyển cơ sở (quận/huyện, xã/phường) được bồi dưỡng và nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về ATTP			
	- Tổng số cán bộ làm công tác ATTP tuyển quận/huyện, xã/phường.		1.040	
	- Số cán bộ được bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và		724	<i>Tập huấn Giám sát Bữa cỗ đông</i>

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Nội dung
	kiến thức về ATTP			<i>người tổ chức tại cộng đồng</i>
6	Tập huấn kiến thức về ATTP cho người sản xuất, chế biến, KDTP và dịch vụ ăn uống	Số lớp/ Số lượt người dự	03/90	
7	Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề liên quan đến ATTP	Số HN, HT/số người dự	01/100	<i>- Hội nghị tổng kết công tác ATTP năm 2019;</i>
8	Điều tra, khảo sát (ghi rõ)	Cuộc	Xây dựng Kế hoạch điều tra KAP	Đánh giá kiến thức, thực hành về ATTP các nhóm đối tượng.
9	Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài;	Lần/số người	Không	
10	Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn (nêu rõ tên trang thiết bị):		07 máy tính bàn, 01 máy in	
B	CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẶC THÙ			
1	Số cơ sở được cấp GCN đủ điều kiện ATTP theo tuyến:	Số cấp/ TSCS	153/5.175	Số cơ sở cấp giấy tích lũy
1.1	<i>Tuyến tỉnh:</i>	<i>Số cấp/ tổng số cơ sở</i>	43/337	Số cơ sở cấp giấy 6 tháng đầu năm 2020
1.2	<i>Tuyến quận/huyện:</i>	<i>Số cấp/ tổng số cơ sở</i>	110/4.838	
1.3	<i>Tuyến xã/phường:</i>	<i>Số cấp/ tổng số cơ sở</i>	0	
2	Số cơ sở được cấp GCN đủ điều kiện ATTP theo loại hình:	Số cấp/ TSCS		
2.1	<i>Sản xuất thực phẩm</i>			
	- Tổng số cơ sở	Cơ sở	21/105	
	- Số cơ sở phải cấp GCN đủ điều kiện ATTP	Cơ sở	105	
	- Số cơ sở được cấp	Cơ sở	96	
2.2	<i>Kinh doanh thực phẩm</i>			
	- Tổng số cơ sở	Cơ sở	16	TPCN 16 cơ sở do Cục cấp
	- Số cơ sở phải cấp GCN đủ điều kiện ATTP	Cơ sở	0	
	- Số cơ sở được cấp	Cơ sở	0	
2.3	<i>Kinh doanh dịch vụ ăn uống</i>			
	- Tổng số cơ sở	Cơ sở	4.960	
	- Số cơ sở phải cấp GCN đủ điều kiện ATTP	Cơ sở	2.645	
	- Số cơ sở được cấp	Cơ sở	1.920	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Nội dung
2.4	<i>Thực ăn đường phố</i>			
	- Tổng số cơ sở	Cơ sở	1.487	
	- Số cơ sở kí giấy cam kết	Cơ sở		
3	<p>Nghiên cứu khoa học (Ghi rõ tên đề tài):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm của người tiêu dùng năm 2019 trên địa bàn các huyện Đô Lương, Yên Thành, Nam Đàn, Thanh Chương, tỉnh Nghệ An - Một số nhật xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở BATT nhà máy, KCN được kiểm tra năm 2019 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. - Đánh giá một số kết quả giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm (vi sinh, hóa học) trong các loại thực phẩm chín ăn ngay trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2018 - 2019. 	Đề tài	03 đề tài cấp cơ sở (<i>đang triển khai</i>)	
4	Hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP:			
4.1	<i>Số quận, huyện có Quyết định kiện toàn lại BCD</i>	<i>quận, huyện</i>	21/21	
4.2	<i>Số xã, phường có Quyết định kiện toàn lại BCD</i>	<i>xã, phường</i>	460	
4.3	<i>Tổ chức họp, hội nghị, hội thảo định kỳ, đột xuất liên quan đến công tác ATTP</i>	<i>Cuộc</i>		
	- Tỉnh:	<i>Cuộc</i>	01	
	- Huyện:	<i>Cuộc</i>	21	
	- Xã:	<i>Cuộc</i>	400	
5	Cộng tác viên ATTP ở các xã, phường	Tổng số CTV/TS xã	460	
5.1	<i>Số CTV được hưởng phụ cấp từ Chương trình MTQG VSATTP</i>	<i>Số CTV</i>	Không	
5.2	<i>Nếu được hưởng thì được bao nhiêu tiền/tháng/1 người</i>	<i>VNĐ/người/tháng</i>	Không	
6	Hoạt động về hệ thống kiểm nghiệm chất lượng VSATTP			
6.1	<i>Số lượng các quy trình thao tác chuẩn được xây dựng (SOP):</i>	<i>SOP</i>		
6.2	<i>Phòng kiểm nghiệm ATTP cấp tỉnh (được SYT giao nhiệm vụ) đã được</i>	<i>Đạt chuẩn ISO 17025</i>	02	- Trung Tâm Y tế Dự phòng tỉnh

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Nội dung
	<i>cấp chứng nhận hợp chuẩn theo ISO 17025 hay chưa?</i> <i>- Nếu chưa thì đã được cấp kinh phí từ Dự án này để xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phòng kiểm nghiệm theo ISO 17025 hay không?</i>			<i>- Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm và Thực phẩm</i>
6.3	<i>Số PTN cấp tỉnh tham gia thử nghiệm liên phòng đánh giá chất lượng kiểm nghiệm</i>		02	
6.4	<i>Số PTN đạt ISO 17025</i> <i>Trang bị thiết bị kiểm nghiệm</i>		02	
	<i>Trung ương cấp (ghi cụ thể tên TB)</i>	<i>Thiết bị</i>	<i>Không</i>	
	<i>Địa phương tự trang bị (ghi rõ)</i>	<i>Thiết bị</i>	<i>Không</i>	
7	<i>Hoạt động Phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm</i>			
7.1	<i>Ngộ độc thực phẩm</i>			
	<i>- Tổng số vụ NDTP</i>	<i>Vụ</i>	02	
	<i>- Tổng số người mắc NDTP</i>	<i>Người</i>	09	
	<i>- Tổng số mắc NDTP/100.000 dân</i>	<i>Mắc/100.000 dân</i>	0,27/100.000 dân	
	<i>- Tổng số người tử vong</i>	<i>Người</i>	0	
	<i>- Nguyên nhân:</i>			
	<i>+ Vi sinh vật</i>		0	
	<i>+ Hóa chất</i>		0	
	<i>+ Độc tố tự nhiên</i>		02	
	<i>+ Khác (ghi rõ)</i>			
7.2	<i>Giám sát các mẫu nước, thực phẩm và dụng cụ phòng ngừa NDTP</i>	<i>Mẫu XN</i>		
	<i>- Mẫu thực phẩm:</i>			
	<i>+ Hóa chất</i>	<i>Số đạt/ Tổng số mẫu</i>	90/94	
	<i>+ Vi sinh</i>	<i>Số đạt/ Tổng số mẫu</i>	49/58	
	<i>- Mẫu người lành mang trùng</i>	<i>Số đạt/ Tổng số mẫu</i>	Không	
	<i>- Xét nghiệm nước</i>	<i>Số đạt/ Tổng số mẫu</i>	20/23	
	<i>- Khác: Mẫu rượu ngâm rễ cây rừng điều tra NDTP</i>	<i>Số đạt/ Tổng số mẫu</i>	01	
7.3	<i>Kiểm soát các cơ sở kinh doanh</i>	<i>Mô hình</i>	<i>Xây dựng 83</i>	<i>Đang triển khai</i>

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Nội dung
	<i>dịch vụ ăn uống</i>		Mô hình điểm	
	- <i>Tổng số cơ sở</i>	<i>Cơ sở</i>	83	
	- <i>Số cơ sở được kiểm tra</i>	<i>Cơ sở</i>	83	
	- <i>Số cơ sở được cấp GCN đủ điều kiện ATTP</i>	<i>Cơ sở</i>	03 cơ sở. 80 cơ sở thuộc đối tượng không phải cấp giấy Đủ điều kiện ATTP	
7.4	<i>Tỷ lệ các cơ sở dịch vụ ăn uống do tỉnh/thành phố quản lý và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP</i>			
	- <i>Tổng số cơ sở dịch vụ ăn uống do tỉnh/thành phố quản lý và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý</i>		5.175	
	- <i>Số cơ sở được cấp giấy chứng nhận</i>		2.076	
7.5	<i>Trang bị xét nghiệm nhanh VSATTP (testkit)</i>		Không	
	- <i>Nhận từ Trung ương</i>	<i>Bộ</i>		
	+ <i>Vi sinh</i>	<i>Bộ</i>		
	+ <i>Hóa</i>	<i>Bộ</i>		
	- <i>Tự trang bị</i>	<i>Bộ</i>		
	+ <i>Vi sinh</i>	<i>Bộ</i>		
	+ <i>Hóa</i>	<i>Bộ</i>		
	- <i>Khác</i>	<i>Bộ</i>		
	+ <i>Vi sinh</i>	<i>Bộ</i>		
	+ <i>Hóa</i>	<i>Bộ</i>		
8	Các hoạt động khác: (nêu rõ)			- Xây dựng 21 Mô hình Giám sát bữa cỗ đông người tổ chức tại Cộng đồng; - Xây dựng 04 Mô hình tuyến phố có kiểm soát an toàn thực phẩm.

III. Kiến nghị, đề xuất:

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Nghệ An kính đề nghị Cục An toàn thực phẩm tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra; lấy mẫu thực phẩm; công tác thông tin truyền thông về an toàn thực phẩm và các hoạt động khác cho cán bộ tuyến địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai Dự án An toàn thực phẩm thuộc Chương trình mục tiêu Y tế dân số 6 tháng đầu năm 2020, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Nghệ An kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các phòng Chi cục;
- Lưu: VT, NV.

CHI CỤC TRƯỞNG**Phạm Ngọc Quy**

PHỤ LỤC:
KINH PHÍ DỰ ÁN AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Tên dự án/hoạt động	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng 2016-2020
I	Kinh phí được cấp						
1	Dự án ATTP						
	- Ngân sách TƯ:	514		5.432	1.490	1.401	8.837
	- Ngân sách địa phương:				972	900	1.872
	- Hỗ trợ khác:						
2	Hoạt động truyền thông về ATTP						
	- Ngân sách TƯ:			1.710	812	395	2.917
	- Ngân sách địa phương:						
	- Hỗ trợ khác:						
	Tổng cộng (I)	514		7.142	3.274	2.696	13.626
II	Kinh phí giải ngân						
1	Dự án ATTP						
	- Trung ương cấp:	514		2.532	1.490	775	5.311
	- Địa phương huy động:				972		972
2	Hoạt động truyền thông về ATTP						
	- Trung ương cấp:			1.383	812	131	2.326
	- Địa phương huy động:						
	Tổng cộng (II)	514		3.915	3.274	906	8.609